

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH T2

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 36/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 03 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”. Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Phạm Duy Đ, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn 1, xã TL, Huyện T1, tỉnh Thanh Hoá

2. Chị Bùi Thị H; sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn Ngọc Động, xã Thành Tân, Huyện T1, tỉnh Thanh Hoá

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Anh Phạm Duy Đ và chị Bùi Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, Huyện T1, tỉnh T2 ngày 31/07/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ, chồng không hợp, không cùng chung quan điểm sống, nên thường xuyên xảy ra cãi cọ. Anh Đ và Chị H đã sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay. Nay Anh Đ và Chị H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận anh, chị được thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Anh Phạm Duy Đ và chị Bùi Thị H có 01 con chung là cháu Bùi Thị Quỳnh C, sinh ngày 18/02/2021. Ly hôn Anh Đ và Chị H thống nhất, thỏa thuận Chị H sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con chung, Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị H.

[3]. Về tài sản, công nợ chung: Anh Phạm Duy Đ và chị Bùi Thị H thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết;

[4]. Về lệ phí: Anh Phạm Duy Đ và chị Bùi Thị H thống nhất, thỏa thuận anh Phạm Duy Đ sẽ phải chịu toàn bộ lệ phí về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Duy Đ và chị Bùi Thị H thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Anh Phạm Duy Đ và chị Bùi Thị H có 01 con chung là cháu Bùi Thị Quỳnh C, sinh ngày 18/02/2021. Ly hôn Anh Đ và Chị H thống nhất, thỏa thuận Chị H sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con chung, Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị H.

- Về tài sản chung: Anh Phạm Duy Đ và chị Bùi Thị H thống nhất, thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Anh Phạm Duy Đ và chị Bùi Thị H thống nhất, thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Phạm Duy Đ phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm Anh Đ đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện T1 theo biên lai số: AA/2021/0007588 ngày 22/03/2022. Anh Phạm Duy Đ đã nộp đủ tiền lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Huyện T1;
- UBND xã TL;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Văn Q